

Bình đẳng giới trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ và tên chồng

Đặng Quang Trung

Trường Đại học Lao động - Xã hội

Tóm tắt: Bài viết này tìm hiểu vấn đề bình đẳng giới trong việc đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở hai địa bàn là thị trấn Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Nghiên cứu cho thấy số lượng phụ nữ tham gia các hoạt động liên quan đến quyền sử dụng đất đã có tăng lên, nhưng đa số người chồng vẫn là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tình trạng bất bình đẳng giới trong lĩnh vực này vẫn được nhiều người dân thừa nhận với biểu hiện chủ yếu là việc phụ nữ không được tham gia các giao dịch về đất đai và không được thừa kế đất đai. Và nguyên nhân chủ yếu đó là do định kiến giới vốn đề cao vai trò quan trọng của nam giới và coi nhẹ vai trò của nữ giới trong quyền làm chủ về tài sản lớn trong gia đình.

Từ khóa: Phụ nữ; Gia đình; Bình đẳng giới; Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất.

Giới thiệu

Luật Đất Đai là một đạo luật rất quan trọng và là công cụ pháp lý quan trọng để Nhà nước quản lý, điều tiết các mối quan hệ về đất đai. Ở Việt Nam, Đạo Luật này thu hút được sự quan tâm rộng rãi của người dân vì nó liên quan đến tài sản có giá trị nhất của họ. Để nâng cao các quyền về kinh tế cho nữ giới, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật Sửa đổi đất đai năm 2003, trong đó quy định tất cả các giấy tờ liên quan đến quyền sử

dụng đất đều phải ghi rõ tên của cả vợ và chồng. Điều này sẽ bảo đảm quyền và nghĩa vụ của người phụ nữ đối với tài sản đất đai của hộ gia đình. Đồng đứng tên trên những giấy tờ này sẽ giúp nữ giới có thể chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và bảo vệ quyền lợi của họ trong trường hợp ly dị và phân chia tài sản.

Như vậy, việc pháp luật quy định tất cả những giấy tờ, đăng ký tài sản gia đình bao gồm cả quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở phải được ghi cả tên vợ và chồng là yếu tố pháp luật mang tính tiến bộ nhằm thúc đẩy sự bình đẳng giới. Cũng nhờ vậy mà trách nhiệm pháp lý của cả vợ và chồng trong việc quyết định sử dụng, quản lý tài sản, nhất là khối tài sản lớn là đất đai, nhà ở sẽ tăng lên, tác động đến khả năng khai thác nguồn tư liệu sản xuất hiệu quả hơn.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên cả hai vợ chồng sẽ tạo điều kiện bình đẳng cho cả vợ và chồng. Người phụ nữ sẽ thấy tự tin hơn vì được công nhận quyền làm chủ tài sản gia đình ngang với chồng; trong trường hợp ly hôn thì người phụ nữ sẽ chủ động và không gặp những bất lợi trong việc phân chia tài sản. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng còn đảm bảo để người vợ có quyền tham gia vào việc quản lý, bảo vệ tài sản cho con cái. Như vậy vị thế của người phụ nữ sẽ được nâng cao trong gia đình và ngoài xã hội. Trong bối cảnh này, việc tiếp tục tìm hiểu về vấn đề bình đẳng giới trong việc thực hiện cấp GCNQSDĐ là rất cần thiết, góp phần thúc đẩy hơn nữa việc thực hiện quyền của phụ nữ và vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực đất đai.

Dựa vào dữ liệu của điều tra “Đánh giá hiệu quả việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ và tên chồng” được tiến hành năm 2012, tại Thị trấn Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh và Huyện Mê Linh thành phố Hà Nội với mẫu định lượng là 200 đại diện hộ gia đình (với tỷ lệ người trả lời là 50% nam và 50% nữ). Số lượng người được hỏi là chủ hộ 172 người chiếm 86%, số lượng người được hỏi là vợ/ chồng với người được hỏi chiếm 8,5% và thành viên đại diện khác là 5,5%. Ngoài ra đề tài còn thực hiện 10 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc (5 nam - 5 nữ) đối với các đối tượng là cán bộ chính quyền địa phương và cán bộ làm trong lĩnh vực tài nguyên môi trường của huyện.

1. Tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ và tên chồng

Theo điều tra khảo sát tại Thị trấn Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh và Huyện Mê Linh thành phố Hà Nội, số lượng người chồng đứng tên chủ hộ chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ chủ hộ là người vợ. Trong số 200 người được hỏi thì nam giới chiếm 68%, như vậy nữ giới đứng tên chủ hộ chỉ chiếm 1/3 (32%).

Số lượng người chồng đứng tên chủ hộ chiếm tỷ lệ cao hơn cũng đồng nghĩa với việc họ là người đứng tên trong nhiều giấy tờ quan trọng của hộ gia đình như sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sở hữu đất... Nam giới là chủ hộ nên họ có lợi thế ở nhiều mặt, điều này cũng là bởi vì các chủ trương chính sách của Nhà nước lấy chủ hộ làm chủ thể, và vì vậy, người đứng tên chủ sở hữu đất đai là chủ hộ, người đứng tên chủ tài sản cũng là chủ hộ. Khi thế chấp tài sản hay đất đai để vay vốn, cũng phải do chủ hộ quyết định. Và khi có các lớp tập huấn khoa học kỹ thuật nông nghiệp thì tất nhiên người tham gia phải là chủ hộ, người đại diện cho hộ gia đình, và trong đa số trường hợp là nam giới.

Như vậy, sự phổ biến trong việc người chồng là chủ hộ và là người đứng tên các loại giấy tờ sở hữu sẽ tiếp tục gây trở ngại cho người phụ nữ trong việc bảo đảm quyền và lợi ích của mình liên quan đến nguồn lực đất đai, mặc dù pháp luật đã có quy định rõ ràng về việc đứng tên tài sản do hai vợ chồng cùng tạo dựng; đồng thời họ cũng như bị thiệt thòi trong việc tiếp cận các hoạt động cộng đồng.

Trong mẫu khảo này số lượng GCNQSDĐ mang tên vợ và tên chồng chỉ chiếm 15,5%, trong khi đó GCNQSDĐ mang tên vợ chiếm 20,5% và 2/3 số GCNQSDĐ mang tên chồng (chiếm 64%). Tỷ lệ gia đình có cả vợ và chồng cùng đứng tên thấp hơn nhiều so với mong muốn. Con số này cho thấy, sau gần 10 năm ban hành Luật Đất đai quy định về việc cấp mới và cấp thay thế các GCNQSDĐ được cấp trước 2004 bằng GCNQSDĐ mới ghi rõ tên của cả vợ và chồng vẫn chưa đi vào thực tế cuộc sống.

Lý giải về số lượng GCNQSDĐ mang tên chồng vẫn còn rất cao ở địa bàn nghiên cứu, theo ý kiến của cán bộ phòng Tài nguyên Môi trường huyện thì đó là do việc thực thi cấp GCNQSDĐ hai tên hiện đang còn đối mặt với nhiều khó khăn như chi phí, thời gian, thủ tục; và do thái độ thờ ơ của nhiều người phụ nữ không muốn đứng tên trong GCNQSDĐ đã xin khước từ quyền lợi của mình theo quy định. Ví dụ như về thủ tục giấy tờ cho việc đổi sổ còn nhiều phiền phức, nhất là việc xác minh nguồn gốc đất đai. Các văn bản hướng dẫn đều thiên về trình tự thủ tục hành chính và chế tài, mà chưa có văn bản truyền thông về lợi ích cho người phụ nữ và cần phải thực thi tại các địa phương ra sao: *“Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đây diễn ra theo đúng quy định... Tuy nhiên có nhiều gia đình người phụ nữ không muốn đứng tên trong giấy đã xin khước từ quyền lợi của mình theo quy định. Số lượng GCNQSDĐ mang tên chồng vẫn còn rất cao... Chính điều này đã dẫn đến tình trạng chị em không có được quyền lợi của mình nhất là trong trường hợp ly hôn, tranh chấp... Vì vậy, chính quyền cần có biện pháp tích cực hơn để người vợ hiểu về quyền và lợi ích của mình”* (Nữ cán bộ tài nguyên môi trường huyện).

Việc nhiều phụ nữ khước từ quyền lợi này cho thấy vẫn còn một bộ

phận người vợ chưa thấy được lợi ích, quyền bình đẳng của mình khi có tên trong sổ đỏ. Bởi họ nghĩ rằng nếu cuộc sống vẫn diễn ra thuận lợi suôn sẻ thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang 1 tên hay 2 tên là không quan trọng. Thật tiếc là chỉ khi có những sự việc gia đình xảy ra có liên quan đến vấn đề tranh chấp tài sản, người phụ nữ mới nhận thấy sự thiệt thòi vì mình không có tên trong GCNQSDĐ. Điều này cho thấy sự cần thiết phải tăng cường các hoạt động tuyên truyền từ cấp chính quyền thông qua các hoạt động tập huấn cho phụ nữ về quyền lợi trong việc đứng tên GCNQSDĐ. Tuy nhiên hoạt động này không phải đã được tổ chức ở hầu khắp các địa phương. Trong khi ở Mê Linh việc tập huấn tuyên truyền diễn ra thường xuyên, thì ở Từ Sơn không có các lớp tập huấn này mà chỉ lồng ghép trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cụ thể ở Mê Linh, có 87% người dân cho biết chính quyền địa phương có tổ chức lớp tập huấn tuyên truyền, số còn lại cho biết có nghe phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng (13%).

Ở Thị trấn Từ Sơn không có các lớp tập huấn cho phụ nữ để tuyên truyền về quyền lợi, lợi ích của việc đứng tên trong GCNQSDĐ, nhưng theo ý kiến của cán bộ của Phòng tài nguyên môi trường thì chính quyền địa phương có thực hiện việc lồng ghép về vấn đề này trên các phương tiện truyền thông; ngoài ra còn có sự chủ động tự tìm hiểu thông tin từ người dân, do họ đã nhận thức được tầm quan trọng của việc đứng tên trong GCNQSDĐ của hộ gia đình: *“Từ Sơn là một điểm nóng về đất đai, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng và bồi thường rất phức tạp và được quan tâm, vì lợi ích đó nên cả vợ và chồng đều tự tìm hiểu quyền lợi cho mình...”* (Cán bộ của Phòng tài nguyên môi trường).

Mặc dù ở cả hai địa bàn nghiên cứu, tỷ lệ người chồng vẫn chiếm đa số trong việc đứng tên trong GCNQSDĐ, nhưng trong những năm gần đây ghi nhận sự tham gia của phụ nữ liên quan đến quyền sử dụng đất đai, đó là tỷ lệ người phụ nữ tham gia vào các hoạt động đất đai như chuyển nhượng, bảo lãnh thế chấp, góp vốn trong quyền sử dụng đất đang dần dần tăng lên. Đặc biệt trong giao dịch về chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSD). Trong số những người trả lời có hoạt động giao dịch này thì 67% cho biết phụ nữ có tham gia các giao dịch về chuyển nhượng về đất đai. Rõ ràng bình đẳng giới trong lĩnh vực này cũng đã có biểu hiện thay đổi.

2. Bình đẳng giới trong quyền sử dụng đất mang tên vợ và tên chồng

Bất bình đẳng giới trong quyền sử dụng đất

Đất vẫn là một trong những tài sản giá trị nhất của người dân Việt Nam (Ravallion and Van de Walle, 2008). Luật Đất đai năm 1993 bắt đầu cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất dài hạn, trước đây thuộc quyền

quản lý của các hợp tác xã, các hộ gia đình, chuyển đổi đất thành một tài sản cá nhân có thể sinh lời. Tuy nhiên số lượng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho phụ nữ trong vòng mười năm đầu tiên sau cải cách chỉ chiếm 10-12% vì chỉ có chỗ trống để điền tên một người vào giấy chứng nhận và thường thì giấy chứng nhận được cấp cho chủ hộ, và người này thường là nam giới. Sau khi Luật Đất đai sửa đổi năm 2003, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành hướng dẫn về việc thay thế các GCNQSDĐ được cấp trước 2004 bằng GCNQSDĐ mới ghi rõ tên của cả vợ và chồng nên đã có gia tăng số lượng các GCNQSDĐ do phụ nữ đứng tên và đồng sở hữu với đất nông nghiệp và đất thổ cư ở tất cả các vùng và các hộ gia đình. So với năm 2004 tỷ lệ GCNQSDĐ chỉ đứng tên nam giới đã giảm từ 66% xuống còn 62%, trong đó tỷ lệ GCNQSDĐ do phụ nữ đứng tên đã tăng từ 19% lên 20% và phụ nữ đồng sở hữu tăng từ 15% lên 18% (AusAID, UK Aid và UN Women, 2011:27).

Kết quả nghiên cứu tại hai điểm nghiên cứu cho thấy trong số 200 người được hỏi có tới hơn một nửa số người cho biết tình trạng bất bình đẳng giới trong lĩnh vực đất đai hiện vẫn còn tiếp tục diễn ra (57%), và nếu không tích cực triển khai các hoạt động để tuyên truyền về bình đẳng giới trong lĩnh vực đất đai thì khoảng cách này sẽ bị nới rộng hơn và việc thu hẹp nó sẽ rất khó khăn.

Những biểu hiện của bất bình đẳng giới trong sử dụng đất đai

Biểu hiện của bất bình đẳng giới trong lĩnh vực đất đai, đặc biệt thể hiện ở việc thực hiện quyền lợi trong các thủ tục liên quan đến quyền sử dụng đất của người phụ nữ. Trong số những người thừa nhận còn có sự bất bình đẳng giới trong lĩnh vực này thì có tới 48,2% (trong số 114 người trả lời) cho rằng sự bất bình đẳng này thể hiện ở việc người phụ nữ không được tham gia các giao dịch về QSDĐ, 42,1% người cho rằng phụ nữ không được thừa kế, số người phụ nữ không được chia QSDĐ chiếm 5,3% và người phụ nữ không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp chiếm 4,4%. Những biểu hiện bất bình đẳng giới trong việc sử dụng đất diễn ra

Bảng 1. Biểu hiện của bất bình đẳng giới trong sử dụng đất đai (%)

Các biểu hiện	Tỷ lệ	Số lượng
Người phụ nữ không được tham gia các giao dịch về QSDĐ	48,2	55
Người phụ nữ không được thừa kế QSDĐ	42,1	48
Người phụ nữ không được chia QSDĐ khi ly hôn	5,3	6
Người phụ nữ không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp	4,4	5
Tổng	100,0	114

trên thực tế nêu trên khiến cho người phụ nữ vẫn khó được bình đẳng với nam giới trong quyền sử dụng đất đai, đặc biệt trong việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Điều này được lý giải là vì đất đai là một tài sản lớn và vì vậy các giao dịch về đất đai vốn thuộc về quyền định của người chồng/nam giới trong gia đình.

Một số nguyên nhân của tình trạng bất bình đẳng giới trong sử dụng đất đai

Tuy luật pháp quy định phụ nữ và nam giới đều có quyền và có khả năng thực hiện, quản lý tài nguyên bền vững nhưng nhận thức của người dân về sử dụng quyền khác nhau tùy theo điều kiện tiếp cận nguồn đất đai. Thêm vào đó, phong tục, tập quán ở một số nơi đã bỏ qua quyền sở hữu thực tế được pháp luật công nhận. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một tên đã tạo nên sự bất bình đẳng về quyền tiếp cận đất đai của phụ nữ so với nam giới.

Theo kết quả điều tra tại thị trấn Từ Sơn và huyện Mê Linh khi được hỏi về nguyên nhân của tình trạng bất bình đẳng giới trong thực hiện QSDĐ trong 200 người trả lời có 49% người trả lời cho rằng sự bất bình đẳng này là do định kiến giới của người dân về vai trò quan trọng của nam giới và coi nhẹ vai trò của nữ giới trong QSDĐ, còn lại là các nguyên nhân liên quan đến phong tục tập quán riêng biệt của các địa phương đối với thừa kế, thái độ thờ ơ của phụ nữ, khước từ đứng tên hoặc nhường cho chồng đứng tên, hạn chế trong nhận thức về Luật Đất đai của chủ thể liên quan, bản thân của các chủ sở hữu QSDĐ đó không nhận thức được lợi ích của mình, thờ ơ và đánh giá thấp tầm quan trọng cũng như ảnh hưởng của quyền lợi nên không lường trước được các hậu quả về sau. Hệ quả là nếu GCNQSDĐ chỉ đứng tên một người thì cả phụ nữ và nam giới đều dễ mất quyền với đất đai trong mọi trường hợp, nhất là khi vợ chồng ly hôn hoặc góa bụa. Và đối với phần lớn phụ nữ hiện không đứng tên GCNQSDĐ họ sẽ gặp khó khăn trong trường hợp cần vay vốn tín dụng của Nhà nước khi chồng không có khả năng đứng tên.

Thực tế điều tra cho thấy người phụ nữ là người đóng vai trò quan trọng trong hoạt động nông nghiệp, nhưng họ lại không phải là người chủ sở hữu, chủ được giao QSDĐ. Các quyền này trong đa số các gia đình đều thuộc về người đàn ông. Kết quả của cuộc khảo sát tại địa bàn cho thấy định kiến giới thể hiện ở việc người chồng là người quyết định chính trong gia đình, là trụ cột và có quyền uy trong ra đình vẫn rất nặng nề. Mặt khác, cùng với việc thể hiện quyền uy của người chồng thì bản thân người vợ cũng không biết mình có những quyền hạn gì và lợi ích gì trong việc đứng tên sổ đỏ. Ngoài ra trong nhiều trường hợp người phụ nữ nhường quyền sở hữu cho chồng vì họ muốn giữ hòa khí trong ra đình và chấp nhận lệ

thuộc vào người chồng. Thậm chí việc bất bình đẳng giới trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn tồn tại là do cả vợ và chồng không hiểu về luật cũng như chưa được phổ biến và tiếp cận với các quy định mới về việc đứng tên trong GCNQSDĐ, nhiều trường hợp trả lời rất bình thản rằng: “*Cán bộ xã bảo thế nào thì chúng tôi làm vậy thôi*”.

Bên cạnh đó, việc thừa kế tài sản là một vấn đề phức tạp không chỉ ở địa bàn Từ Sơn - Bắc Ninh và Mê Linh (Hà Nội) mà còn là tình trạng chung ở Việt Nam. Tập tục truyền thống không thừa nhận quyền thừa kế tài sản của con gái và hiện tại, tập tục này vẫn còn tác động đến tâm lý, thói quen và cách suy nghĩ, hành xử của một bộ phận nhân dân. Nhiều gia đình ở nông thôn thường không quan tâm đến hàng thừa kế là con gái, tài sản, đất đai của gia tộc chỉ chia cho con trai, đặc biệt dành phần ưu tiên cho con trai trưởng để lo phần hương hỏa. Việt Nam là một nước nông nghiệp, tâm lý trọng nam khinh nữ đã là một định kiến hạn chế việc nhận thức đầy đủ và khách quan về năng lực và vai trò của người phụ nữ. Tâm lý ấy còn ảnh hưởng khá phổ biến trong xã hội với những biểu hiện phức tạp. Cụ thể ở một số nơi người phụ nữ là người chịu trách nhiệm chính trong mọi công việc gia đình nhưng lại bị lệ thuộc chồng về quan hệ kinh tế và quan hệ khác trong gia đình. Cho thấy phong tục tập quán cũng có tác động đến bất bình đẳng trong việc cấp GCNQSDĐ.

Kết luận

Kết quả từ hai địa bàn khảo sát cho thấy GCNQSDĐ mang tên vợ và chồng chiếm tỷ lệ thấp, trong khi số GCNQSDĐ mang tên một người là tên người chồng vẫn chiếm đa số. Nhưng ở khía cạnh khác, tỷ lệ người phụ nữ tham gia vào các hoạt động đất đai như chuyển nhượng, bảo lãnh thế chấp, góp vốn trong quyền sử dụng đất đang dần dần tăng lên. Đặc biệt trong giao dịch về chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tình trạng bất bình đẳng giới trong lĩnh vực đất đai vẫn còn tồn tại ở địa bàn nghiên cứu với hai biểu hiện là việc phụ nữ không được tham gia các giao dịch về QSDĐ và không được thừa kế QSDĐ. Nguyên nhân chủ yếu được người dân thừa nhận đó là do ảnh hưởng của định kiến giới vốn đề cao vai trò quan trọng của nam giới và coi nhẹ vai trò của nữ giới trong QSDĐ, bên cạnh đó phong tục tập quán, nhận thức của chủ sở hữu QSDĐ, thái độ thờ ơ của người phụ nữ về quyền này cũng được cho là những nguyên nhân khiến tình trạng bất bình đẳng này ngày càng khó được cải thiện.■

Tài liệu trích dẫn

- AusAID, UK Aid, UN Women. 2011. *Đánh giá giới tại Việt Nam*. Ngân Hàng Thế giới (WorldBank).
- Luật Đất đai năm 2003 ngày 10/12/2003, có hiệu lực từ ngày 1/7/2004.
- Ravallion and Van de Walle. 2008. *Land in Transition: Reform and Poverty in*